

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04 /CTY-CBTT  
V/v công bố thông tin Báo cáo  
thường niên năm 2019

Bạc Liêu, ngày 21 tháng 01 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- 1. Tên Công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU  
**2. Mã chứng khoán:** BLW  
**3. Địa chỉ trụ sở chính:** số 92 Lê Duẩn, khóm 7, phường 1, thành phố Bạc Liêu,  
tỉnh Bạc Liêu  
**4. Điện thoại:** 0291.3827777  
**5. Fax:** 0291.3824812  
**6. Người thực hiện công bố thông tin:**  
- Họ và tên: Võ Minh Trang  
- Địa chỉ: số 26 Lô P, đường Châu Văn Đặng, khóm 7, phường 1, thành phố Bạc  
Liêu, tỉnh Bạc Liêu  
- Điện thoại: 0913.892616

**7. Loại thông tin công bố:**

24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

**8. Nội dung công bố thông tin:**

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu trân trọng Công bố thông tin đến quý cơ  
quan Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

**9. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần  
Cấp nước Bạc Liêu vào ngày 21 tháng 01 năm 2020 tại đường dẫn  
[www.capnuocbaclieu.com.vn](http://www.capnuocbaclieu.com.vn)**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn  
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.



**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Võ Minh Trang**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

Địa chỉ: Số 92, đường Lê Duẩn, khóm 7, phường 1, Bạc Liêu.

Mã số doanh nghiệp: 1900605680.

Điện thoại: 02913.827777

Fax: 02913.824812

Email: capnuoctpbaclieu@gmail.com

Website: capnuocbaclieu.com.vn

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

*Bạc Liêu, ngày 21 tháng 01 năm 2020*



## **MỤC LỤC**

<b>I. THÔNG TIN CHUNG .....</b>	<b>Trang 2 - 7</b>
1. Thông tin khái quát.....	trang 2
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	trang 2 - 4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....	trang 4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	trang 4 - 5
5. Định hướng phát triển công ty.....	trang 5 - 6
6. Các rủi ro .....	trang 6 - 7
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....</b>	<b>Trang 7 - 14</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất- kinh doanh năm 2018.....	trang 7 - 8
2. Tổ chức và nhân sự.....	trang 8 - 9
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	trang 9
4. Tình hình tài chính.....	trang 10
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	trang 11
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	trang 11 - 14
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>Trang 14 - 17</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	trang 14 - 15
2. Tình hình tài chính.....	trang 15 - 17
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY .</b>	<b>Trang 17 - 18</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....	trang 17
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty .....	trang 17
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	trang 18
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>	<b>Trang 18</b>
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....</b>	<b>Trang 18</b>
1. Ý kiến kiểm toán.....	trang 18
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán .....	trang 18



## **I. THÔNG TIN CHUNG**

### **1. Thông tin khái quát:**

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
Tên giao dịch/viết tắt:	BAWACO
Giấy CNĐKDN số:	1900605680 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp lần đầu ngày 24/12/2015
Vốn điều lệ:	111.688.000.000 đồng ( <i>Một trăm mười một tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu đồng</i> )
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	110.176.000.000 đồng ( <i>Một trăm mười tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu đồng</i> )
Địa chỉ:	92 Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Số điện thoại:	(0291) 3827777
Số fax:	(0291) 3824812
Website:	capnuocbaclieu.com.vn
Mã cổ phiếu:	BLW

Logo Công ty:



### **2. Quá trình hình thành và phát triển:**

<b>Năm</b>	<b>Sự kiện</b>
<b>1950</b>	Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu tiền thân là Công quản nhà máy nước thị xã Bạc Liêu được thành lập vào năm 1950 và trực thuộc Ty Công chánh Bạc Liêu. Thời điểm này hệ thống cấp nước Bạc Liêu còn nhỏ bé chỉ tập trung tại trung tâm Thị xã với một giếng nước ngầm công suất 150 m <sup>3</sup> /giờ và khoảng 6.000 mét đường ống dẫn nước bằng gang đường kính từ 80 đến 200 mm.
<b>1970</b>	Đầu năm 1970 chính quyền cũ có chủ trương quản lý hệ thống cấp nước tại các địa phương theo ngành dọc và có cơ chế tài chính riêng, lấy thu để hoạt động và phát triển nên lập ra Quốc gia thủy cục (trụ sở tại Sài Gòn) là cơ quan có chức năng quản lý kinh doanh đầu tư các hệ thống cấp nước trên toàn miền nam và có ngân sách riêng của ngành. Do đó năm 1972 Công quản nhà máy nước được bàn giao cho Quốc gia thủy cục quản lý và đổi tên thành Ty Cấp thủy Bạc Liêu.



<b>1975</b>	Tháng 4 năm 1975 Ban kinh tài Bạc Liêu trực thuộc Ủy ban quân quản Tỉnh Bạc Liêu đã tiếp thu và điều hành Ty cấp thủy cho đến đầu năm 1976 thì bàn giao lại cho Công ty khoan cấp nước Miền Nam quản lý điều hành theo ngành dọc từ đó đổi tên là Xí nghiệp Cấp nước Bạc Liêu. Tháng 05/1977 bàn giao lại cho Ty Xây dựng Minh Hải quản lý.
<b>1987</b>	Đến năm 1987 do Ty Xây dựng Minh Hải đã dời về Cà Mau nên Xí nghiệp Cấp nước Bạc Liêu được bàn giao cho UBND Thị xã Bạc Liêu quản lý để việc chỉ đạo được kịp thời và thuận tiện hơn.
<b>1990</b>	Tháng 10 năm 1990 UBND Thị xã Bạc Liêu trong việc sắp xếp một số cơ quan ban ngành đã sáp nhập 3 đơn vị là Xí nghiệp Cấp nước, Xí nghiệp công trình công cộng và Công ty dịch vụ nhà đất thành Công ty Công trình đô thị và dịch vụ nhà đất. Chức năng nhiệm vụ của Công ty ngoài việc khai thác vận hành hệ thống cấp nước Công ty còn quản lý đèn đường, thu gom, vận chuyển, xử lý rác, xây dựng và duy tu mạng lưới thoát nước, cung ứng vật liệu xây dựng và cho thuê nhà thuộc diện quản lý của nhà nước.
<b>1993</b>	Năm 1993 Thị xã Bạc Liêu sáp nhập Xí nghiệp xây dựng Giao thông vào Công ty và giao thêm nhiệm vụ cho Công ty là thi công, duy tu, quản lý đường bộ, quản lý bến xe, bến tàu trên địa bàn thị xã Bạc Liêu đồng thời đổi tên thành Công ty Công trình đô thị.
<b>1997</b>	Tháng 01 năm 1997 tỉnh Bạc Liêu được tái lập và theo luật doanh nghiệp Công ty Công trình đô thị Bạc Liêu trực thuộc UBND tỉnh Bạc Liêu và chịu sự quản lý về chuyên môn của Sở Xây dựng Bạc Liêu.
<b>2006</b>	Tháng 10 năm 2006 do yêu cầu tổ chức, để chỉ đạo điều hành việc chỉnh trang đô thị Bạc Liêu được sâu sát, UBND tỉnh Bạc Liêu có quyết định tách bộ phận vệ sinh đô thị của Công ty ra thành lập đơn vị mới là Trung tâm dịch vụ đô thị trực thuộc UBND thị xã Bạc Liêu. Bộ phận còn lại chuyên về đầu tư phát triển, vận hành hệ thống cấp nước và được đổi tên là Công ty Cấp nước Bạc Liêu.
<b>2010</b>	Tháng 08 năm 2010 thực hiện chủ trương chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu.
<b>2016</b>	Ngày 14/03/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định số 367/QĐ-UBND cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu. Ngày 28/5/2015 Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu đã đấu giá cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu, tổng số cổ phần đấu giá là 43.700 cổ phần, giá đấu thành công bình quân là 10.100 đồng/cổ phiếu. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/01/2016 với mức vốn Điều lệ đăng ký là 111.688.000.000 đồng ( <i>Quyết định số 313/QĐ-UBND</i>



	ngày 06/03/2015 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu để cổ phần hóa); Vốn điều lệ thực góp là 111.688.000.000 đồng (Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 về phê duyệt quyết toán tiền thu cổ phần hóa; công bố giá trị thực tế phần vốn tại thời điểm chuyển sang cty cổ phần).
<b>2019</b>	Ngày 20/2/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu có Công văn số 667/UBND-TH về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC). Ngày 01/7/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu chính thức bàn giao Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

**3.1. Ngành nghề kinh doanh:**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: - Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch; - Đầu tư, thi công các công trình: Xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh;	3600
2	Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác. Chi tiết: - Đầu tư, thi công xây dựng các công trình dân dụng; - Thi công công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;	4290
3	Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước;	4322
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;	7710
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư ngành nước và ngành xây dựng;	4659
6	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, nước đá tinh khiết;	1104
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng, mặt bằng, kho bãi;	6810
8	Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Cho thuê xe;	4932
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933



### 3.2. Địa bàn kinh doanh:

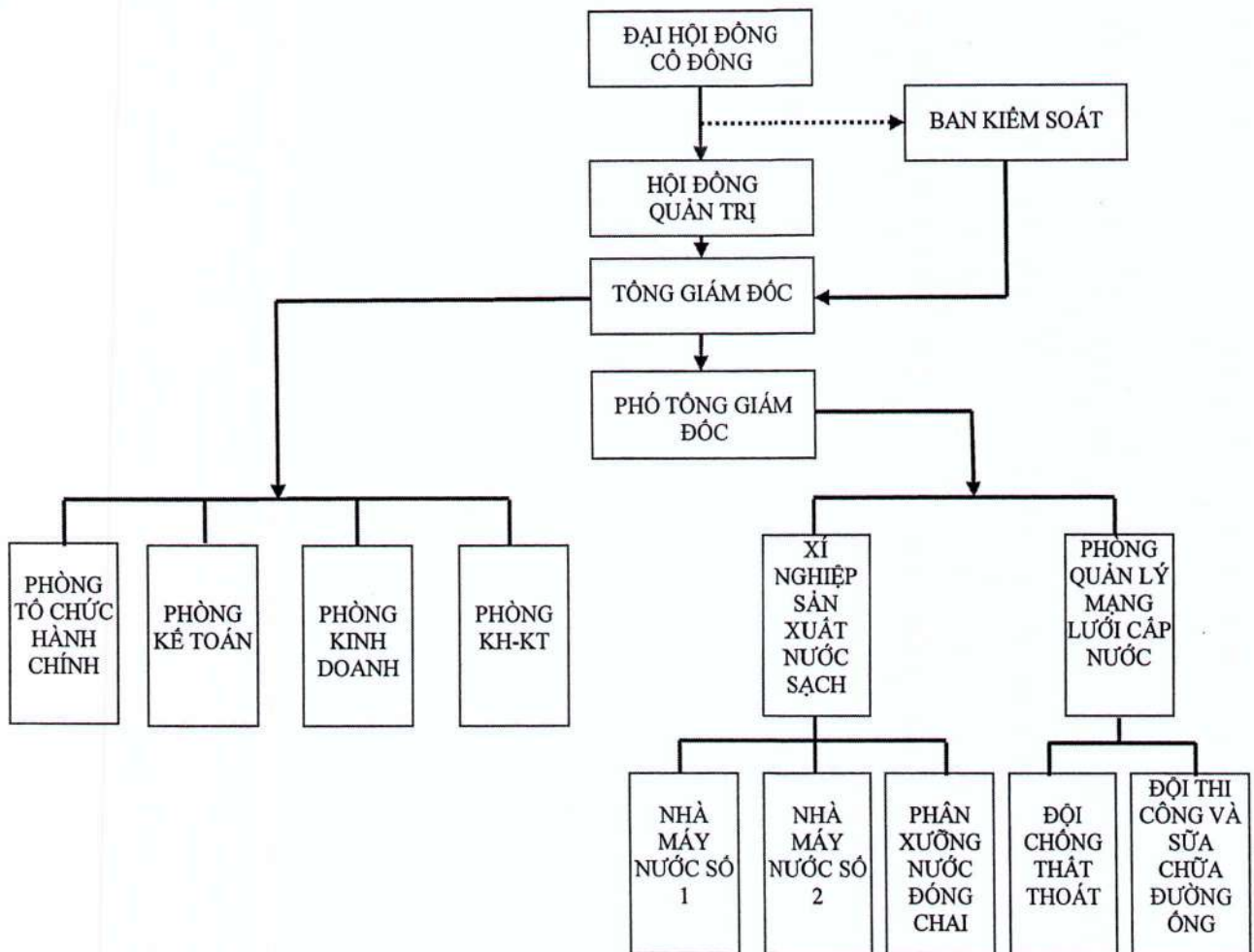
Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (viết tắt là Công ty) có địa bàn hoạt động kinh doanh chủ yếu tại thành phố Bạc Liêu.

## 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

### 4.1. Mô hình quản trị Công ty:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc.

### 4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



## 5. Định hướng phát triển:

### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Hướng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát triển phù hợp với xu thế của tỉnh, kỳ vọng của nhà đầu tư. Công ty đề ra các mục tiêu chủ yếu sau:

- Phân đầu đạt các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch đề ra;



- Cung cấp nước sạch an toàn, liên tục đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định cho phép;

- Tập trung nguồn lực cho công tác chống thất thoát nước theo kế hoạch năm 2020 đề ra dưới 9%

- Phát triển khách hàng, mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước đến các khu dân cư tập trung, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, xây dựng niềm tin uy tín thương hiệu Công ty;

- Mở rộng thị trường phân phối sản phẩm nước uống đóng chai của Công ty mang thương hiệu Bawaco.

### **5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Định hướng theo các mục tiêu:

- Giữ vững ổn định hoạt động kinh doanh của Công ty; Nâng cao hiệu quả hoạt động cấp nước, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, tăng tỷ lệ cấp nước sạch thêm 2% trên địa bàn thành phố (theo Quyết định 2140/QĐ-TTg ngày 08/11/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định 192/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh Bạc Liêu);

- Huy động nguồn lực đầu tư, hợp tác phát triển ngành cấp nước đảm bảo phục vụ 100% nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân thành phố;

- Ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, vận hành mạng lưới cấp nước nhằm tiết kiệm nhân lực và tài nguyên;

Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, khẳng định uy tín thương hiệu của Công ty, đáp ứng yêu cầu đa dạng các đối tượng khách hàng;

### **5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững:**

- Chấp hành nghiêm các quy định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước;

- Mở rộng ngành nghề hoạt động kinh doanh, đầu tư mạng lưới cấp nước các dự án trọng điểm khu công nghiệp phù hợp với tiến độ phát triển kinh tế xã hội của thành phố;

- Nâng cao công suất cấp nước, đặt biệt quan tâm quản lý chất lượng nước đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn chất lượng theo tiêu chuẩn Bộ Y tế;

- Tăng cường công tác chống thất thoát nước, khai thác, sử dụng hợp lý; Tích cực vận động khách hàng sử dụng nước máy Công ty để đảm bảo sức khỏe tránh khai thác tự do góp phần bảo vệ môi trường và nguồn tài nguyên nước;

- Áp dụng tiến bộ công nghệ thông tin nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phương thức phục vụ đáp ứng phục vụ nhu cầu khách hàng tốt nhất, hiệu quả nhất;

- Nâng cao đời sống người lao động đảm bảo hài hòa lợi ích Công ty và cổ đông.





## 6. Các rủi ro:

### 6.1. Rủi ro kinh tế:

Tình hình kinh tế năm 2019 tiếp tục duy trì đà chuyển biến tích cực, nền kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định, là nền tảng quan trọng để thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, thúc đẩy sự phát triển các hoạt động trong lĩnh vực.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, các yếu tố về kinh tế thị trường không tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tuy vậy Công ty luôn theo dõi, nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế chung để chủ động có những giải pháp thích hợp duy trì hoạt động kinh doanh ổn định.

### 6.2. Rủi ro đặc thù:

Nước sạch là mặt hàng thiết yếu chịu sự quản lý của nhà nước về giá bán, tuy nhiên giá bán thường không điều chỉnh kịp thời so với tình hình biến động về giá thị trường đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty do đó việc kiểm soát chi phí luôn được Công ty quan tâm để duy trì hoạt động ổn định và việc không chủ động về giá bán cũng là nguyên nhân chưa thu hút các nhà đầu tư;

Đối với ngành cấp nước thực trạng thất thoát nước là yếu tố được quan tâm hàng đầu, nguyên nhân hệ thống ống dẫn không đồng bộ, còn nhiều hệ thống ống cũ đã sử dụng trên 20 năm chưa được cải tạo thay thế nên tỷ lệ thất thoát do rò rỉ tương đối lớn khó kiểm tra phát hiện, ngoài ra việc góp phần tăng tỷ lệ thất thoát còn do các công trình thi công xây dựng nâng cấp cải tạo lộ giới làm bề đường ống cấp nước chưa phát hiện kịp thời và một bộ phận người dân chưa ý thức chấp hành quy định của Công ty về cung cấp nước, còn gian lận trong sử dụng nước,...là nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty và lãng phí nguồn tài nguyên nước quốc gia.

### 6.3. Rủi ro về môi trường:

Hiện nay, nguồn nước ngày càng có nguy cơ bị ô nhiễm gây ảnh hưởng chất lượng nước cung cấp, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân và ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong thời gian gần đây, vấn đề môi trường là một vấn đề được xã hội quan tâm, chính vì thế công ty luôn nỗ lực thực hiện bảo vệ môi trường tuân thủ các quy định của cơ quan chức năng trong hoạt động khai thác và kinh doanh nước sạch. Ngoài ra, Công ty luôn ý thức trách nhiệm khai thác nguồn nước hợp lý để duy trì tài nguyên thiên nhiên trong tương lai.

### 6.4. Rủi ro khác:

Ngoài những rủi ro đã kể trên, Công ty luôn ý thức đề phòng các rủi ro bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản do đó Công ty quan tâm phòng tránh bằng các biện pháp cập nhật thông tin thời tiết, xã hội, tập huấn cho người lao động các biện pháp cứu nạn, cứu hộ, sơ tán và phòng tránh thiên tai hỏa hoạn, cháy nổ để kịp thời chủ động ứng phó hạn chế thấp nhất thiệt hại về



người và tài sản.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kế hoạch</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>% so Kế hoạch</b>
Tổng doanh thu	56.418,03	62.920,68	111,53
Tổng chi phí	48.193,29	51.938,06	107,77
Lợi nhuận trước thuế	8.224,74	10.982,62	133,53
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.644,95	2.233,24	135,76
Lợi nhuận sau thuế	6.579,79	8,749,38	132,97

Nhìn chung năm 2019 các chỉ tiêu tài chính Công ty thực hiện đạt và vượt kế hoạch đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/9/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

### **2. Tổ chức và nhân sự:**

#### **2.1. Ban điều hành:**

✓ **Ông Võ Minh Trang - Tổng Giám đốc**

- Ngày sinh: 22/08/1980
- Quê quán: Huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
- Địa chỉ thường trú: Số 26 lô P, đường Châu Văn Đăng, khóm 7, phường 1, thành phố Bạc Liêu.
- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 1.000 cổ phần, chiếm 0,0089% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC): 2.680.512 cổ phần, chiếm 24,00 % vốn điều lệ.

✓ **Ông Lê Thanh Bảo - Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày sinh: 09/11/1965
- Quê quán: Ba Đình, Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: đường số 3, Khu dân cư phường 2, thành phố Bạc Liêu.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 6.300 cổ phần, chiếm 0,056% vốn điều lệ.

✓ **Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kế toán trưởng**

- Ngày sinh: 02/10/1969
- Quê quán: xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.
- Địa chỉ thường trú: Khóm 5, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.



- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 500 cổ phần, chiếm 0,0045% vốn điều lệ.

**2.2. Những thay đổi trong ban điều hành Công ty:** không có.

**2.3. Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động:**

- **Tình hình nhân sự (tính đến 31/12/2019)**

STT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
<b>A</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>93</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ đại học và trên đại học	36	38,71
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	22	23,66
3	Công nhân kỹ thuật, lái xe	35	37,63
<b>B</b>	<b>Theo loại Hợp đồng lao động</b>	<b>93</b>	<b>100%</b>
1	Không thuộc diện ký Hợp đồng lao động	02	2,15
2	Hợp đồng không thời hạn	88	94,62
3	Hợp đồng có thời hạn, lao động khoán	02	2,15
4	Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định	01	1,08
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>93</b>	<b>100%</b>
1	Nam	79	84,95
2	Nữ	14	15,05

- **Chính sách đối với người lao động:**

Luôn quan tâm chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động cải thiện điều kiện làm việc, đầu tư trang thiết bị văn phòng, mua sắm thiết bị thi công, thiết bị chuyên dùng để phục vụ cho công tác lao động trực tiếp nhằm tăng năng suất lao động, giảm công việc nặng nhọc cho người lao động;

Thực hiện tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho Người lao động theo quy định hiện hành. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn con người cho toàn thể người lao động với mức 165.000đ/người/năm, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, thôi việc đúng quy định hiện hành.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

**3.1. Các khoản đầu tư:**

- Thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2019 Công ty đã cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước, thay thế đồng hồ hết niên hạn kiểm định, các dự án đều hoàn thành đúng tiến độ đã có 18 công trình đưa vào sử dụng, tổng giá trị 11.740,83 triệu đồng, đồng thời giải ngân 9.948,59 triệu đồng.



- Công ty sử dụng tiền nhàn rỗi của doanh nghiệp để đầu tư tài chính ngắn hạn tại các Ngân hàng nhằm tăng thu nhập góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính năm 2019 là 850,44 triệu đồng, chiếm 1,35% tổng doanh thu.

**3.2. Các công ty con, công ty liên kết:** không có.

**4. Tình hình tài chính:**

**4.1. Tình hình tài chính:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	128.877,24	130.733,34	101,44
Doanh thu thuần	53.583,96	57.799,46	107,87
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.713,98	8.053,80	104,41
Lợi nhuận khác	(118,79)	2.928,83	
Lợi nhuận trước thuế	7.595,19	10.982,62	144,60
Lợi nhuận sau thuế	6.051,41	8.749,39	144,58

**4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,97	3,17	160,91
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,70	1,95	152,94
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	12,78	7,96	62,28
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	14,65	8,65	59,04
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	6,63	5,89	38,61
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	41,58	44,21	106,33
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,29	15,14	134,10
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,38	7,27	135,13
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	4,70	6,69	142,34



Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	14,40	13,93	96,74

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**5.1. Cổ phần:**

- Số lượng cổ phần đang lưu hành:	11.168.800 cổ phần
- Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
- Cổ phần ưu đãi:	0 cổ phần
- Cổ phần phổ thông:	11.168.800 cổ phần
- Cổ phần tự do chuyển nhượng:	11.168.800 cổ phần
- Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần

**5.2. Cơ cấu cổ đông:**

Stt	Loại Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %/VĐL thực góp
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>117</b>	<b>11.168.800</b>	<b>100%</b>
1	Tổ chức	1	11.017.600	98,65%
	- Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	1	11.017.600	98,65%
2	Cá nhân	116	151.200	1,35%
<b>II</b>	<b>Ngoài nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng</b>	<b>117</b>	<b>11.168.800</b>	<b>100%</b>

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm:** không có.

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không có.

**5.5. Các chứng khoán khác:** không có.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:**

**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Nguyên vật liệu được sử dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm chính là clo là nguyên liệu thông dụng không kết hợp với các nguyên liệu khác Công ty luôn chú trọng lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy, đảm bảo mang lại



hiệu quả cao trong xử lý nước mang lại chất lượng nước an toàn cho người tiêu dùng. Nguyên liệu sử dụng sản xuất năm 2019 cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
1	Sản lượng nước khai thác	m <sup>3</sup>	7.936.413
2	Hóa chất Clo sử dụng	Kg	30,600

*b. Báo cáo tỉ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.*

### **6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

*a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:*

Công ty tiêu thụ điện năng và nhiên liệu là dầu diesel để phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh. Nguồn năng lượng sử dụng chủ yếu cho quá trình vận hành các thiết bị và nhà máy nước là điện năng, dầu diesel chỉ sử dụng chạy máy phát điện khi mất điện. Tình hình sử dụng điện năng trong năm 2019 của Công ty:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
1	Điện năng dùng cho khối văn phòng	KW	54.380
2	Điện năng dùng cho sản xuất nước sạch	KW	2,994,383
3	Lượng dầu chạy máy phát điện	Lít	3,452

*b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có.*

*c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: không có.*

### **6.3. Tiêu thụ nước:**

*a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:*

Do đặc thù của công ty là khai thác và cung cấp nước sạch nên nước vừa là nguyên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất vừa là sản phẩm đầu ra của công ty. Nguồn nước sử dụng của công ty chủ yếu là nước ngầm sau quá trình xử lý lắng lọc thành sản phẩm nước sạch cung cấp đến người tiêu dùng.

Lượng nước công ty sản xuất, kinh doanh năm 2019 cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
1	Sản lượng nước khai thác	m <sup>3</sup>	7.936.413
2	Sản lượng nước bơm ra mạng	m <sup>3</sup>	7.894.128
3	Sản lượng nước tiêu thụ	m <sup>3</sup>	7.268.097
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	9,53

*b. Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có.*



#### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Trong năm qua, Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

Do đặc thù của ngành cấp nước là khai thác, sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt nên chất thải nguy hại không đáng kể. Tuy nhiên, Công ty có ký hợp đồng thu gom một năm 2 lần các chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau dính nhớt trong quá trình sửa chữa sự cố máy bơm và các bóng đèn huỳnh quang bị hư hỏng.

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

#### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số lượng lao động của Công ty vào ngày 31/12/2019 là 93 người, trong đó trình độ đại học và trên đại học chiếm 38,71%.

- Thu nhập bình quân người lao động:

Stt	Diễn giải	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm
1	Số lượng lao động (người)	90	93	103,33
2	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.771.647	11.588.500	107,58

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Hàng năm Công ty đều trang bị bảo hộ lao động theo nhiệm vụ công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ nhằm phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp cũng như nâng cao sức khỏe cho người lao động;

- Chú trọng quan tâm chăm lo đời sống cho người lao động: có chính sách trợ cấp khó khăn cho người lao động, tổ chức thăm hỏi người lao động hoặc thân nhân ốm đau, gia đình có ma chay, tổ chức cho lao động nữ tham gia các hoạt động về nguồn nhân ngày quốc tế phụ nữ, phụ nữ Việt Nam, vào dịp Tết Nguyên đán Công ty có tổ chức thăm hỏi người lao động đã nghỉ hưu, hỗ trợ cho con người lao động đầu năm học và tặng thưởng cho con của người lao động đạt thành tích cao trong học tập,..

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Ý thức cho sự phát triển bền vững của Công ty nhân tố quyết định là đội ngũ người lao động, do đó Công ty luôn quan tâm chú trọng đến công tác đào tạo nâng cao trình độ người lao động. Hàng năm lập kế hoạch cử người lao động tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn các khoá đào tạo ngắn hạn, dài hạn, đào tạo theo



chuyên đề, đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu công việc.

Chú trọng đào tạo bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ nhân viên có chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm ở một số lĩnh vực quan trọng.

#### **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

Trong năm 2019, Công ty tích cực tham gia các phong trào tình nguyện và các chương trình từ thiện tại địa phương, các hoạt động cụ thể như:

- Hỗ trợ 15 hộ nghèo tại xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân: 71.828.681 đồng;
- Hỗ trợ tặng nhà tình thương cho hộ nghèo: 20.000.000 đồng;
- Hỗ trợ thương binh huyện Hồng Dân: 12.000.000 đồng;
- Hỗ trợ sửa nhà tình thương cho 09 hộ nghèo lộ Bờ Tây: 193.436.000 đồng
- Hỗ trợ “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam”, trẻ em nghèo, gia đình chính sách khó khăn, quỹ “Vì người nghèo và an sinh xã hội”,...: 52.500.000 đồng.

**6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:** không có.

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Nhìn chung năm 2019 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ổn định và tăng trưởng. Doanh thu tăng 15,76%, lợi nhuận sau thuế tăng 44,58% so với năm 2018, chi phí đầu vào sản xuất như hóa chất, điện năng, dầu diesel, vật tư, ... tăng nhẹ không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất Công ty.

Bên cạnh đó các mặt công tác khác trong năm 2019 đã đạt được những kết quả đáng phần khởi như:

- Thực hiện tốt công tác quản lý mạng lưới cấp nước trên khu vực quản lý bằng các biện pháp di dời đồng hồ khách hàng ra ngoài phát hiện và ngăn chặn sử dụng nước không đúng quy định, tăng cường công tác dò tìm rò rỉ chống thất thoát nước,...; năm 2019 đã duy trì được tỷ lệ thất thoát dưới 10% giảm 9,22% so với năm 2018, góp phần làm giảm chi phí sản xuất và tiết kiệm được nguồn tài nguyên thiên nhiên;
- Cung cấp nước sạch an toàn, chất lượng nước đạt quy chuẩn của Bộ Y tế đảm bảo cung cấp liên tục 24/24 giờ;
- Thiết kế vô nước mới cho 1.894 khách hàng, mở rộng đầu tư, nâng cấp mạng lưới cấp nước, góp phần giảm thất thoát nước và tăng doanh thu cho công ty, đồng thời đáp ứng được hơn 95% người dân thành phố sử dụng nước sạch của Công ty. Tổng mức đầu tư XDCB trong năm 2019 thực hiện khoảng 11.740,83 tỉ đồng;
- Công tác đầu tư nâng cấp bảo trì nhà máy cơ bản hoàn thành phục vụ cho hoạt động sản xuất được an toàn liên tục: đã thay thế được thiết bị bơm chìm các





giếng, lắp đặt đường ống kỹ thuật giếng khoan khai thác 120-135m<sup>3</sup>/h, khoan thêm 02 giếng nhằm bổ sung thêm lưu lượng nước cung cấp ra mạng đáp ứng ngày càng cao nhu cầu sử dụng nước của khách hàng;

- Kịp thời khắc phục các sự cố liên quan đến đường ống cấp nước góp phần duy trì cấp nước liên tục cho khách hàng sử dụng;

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành: ngoài việc phát triển ứng dụng các phần mềm quản lý hiện có như phần mềm Quản lý khách hàng, phần mềm ghi chỉ số đồng hồ nước bằng thiết bị điện thoại di động, phần mềm thu tiền nước bằng hóa đơn điện tử, phần mềm phát triển kinh doanh nước uống đóng chai, phần mềm quản lý tài sản, vật tư... trong năm 2019 đã phát triển thêm phần mềm kế toán Bravo 8, phần mềm GIS hỗ trợ quản lý tài sản mạng lưới cấp nước...

### **Các chỉ tiêu cơ bản về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m <sup>3</sup>	6.891.069	7.268.097	105,47
2	Tỷ lệ thất thoát nước	%	10,34	9,53	9,22
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	54.354,44	62.920,68	115,75
4	Tổng chi phí	Tr.đồng	46.759,24	51.938,06	111,07
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	7.595,19	10.982,62	144,60
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	6.051,41	8.749,38	144,58



## **2. Tình hình tài chính:**

### **2.1. Tình hình tài sản:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm	Tỷ trọng
1	Tài sản ngắn hạn	31.210,23	31.063,92	99,53	23,76
2	Tài sản dài hạn	97.667,01	99.669,42	102,05	76,24
<b>Tổng tài sản</b>		<b>128.877,24</b>	<b>130.733,24</b>	<b>101,44</b>	<b>100%</b>

Tổng tài sản năm 2019 là 130.733,24 triệu đồng, tăng 1,44% so với năm 2018, trong đó, tài sản dài hạn tăng 2,05% tài sản ngắn hạn giảm 0,47% là do khoản phải thu khách hàng giảm.

Xét về cơ cấu tổng tài sản, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng cao hơn 76,24% việc gia tăng cả về giá trị lẫn tỷ trọng của tài sản dài hạn cho thấy định hướng phát triển của công ty phù hợp với đặc điểm chung của ngành cấp nước.



## **2.2. Tình hình nợ phải trả:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm	Tỷ trọng
1	Nợ ngắn hạn	15.852,34	9.793,95	61,78	94,08
2	Nợ dài hạn	617,32	616,02	99,79	5,92
<b>Tổng nợ phải trả</b>		<b>16.469,66</b>	<b>10.409,97</b>	<b>63,21</b>	<b>100%</b>

Cơ cấu nợ của công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn, chiếm 94,08%. Nợ ngắn hạn giảm 38,22% so với năm trước. Mặc khác nợ dài hạn năm 2019 giảm 0,21% so với năm trước, trong đó khoản phải trả dài hạn khác chiếm tỷ trọng cao chủ yếu là khoản nhận ký quỹ của khách hàng thể chấp sử dụng nước và khoản thu từ bồi thường di dời các công trình bị giải tỏa đang thi công dở dang.

Theo ý kiến kiểm toán số liệu báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán đánh giá các khoản nợ phải trả Công ty đều có khả năng thanh toán.

## **2.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

- Công ty luôn chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thường xuyên đánh giá năng lực cán bộ quản lý, và người lao động để tiếp tục củng cố kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Trên cơ sở kết quả đánh giá, công ty thực hiện công tác điều động luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề của từng người, đồng thời tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân;

- Bên cạnh đó công ty xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho người lao động và có quan tâm hơn đối với người lao động có năng lực, xây dựng phong trào cho người lao động phấn đấu, rèn luyện, tham gia học tập kinh nghiệm các đơn vị bạn để trở thành người lao động giỏi.

## **2.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

- Thực hiện cấp nước an toàn đúng theo quy định và tăng thêm tỷ lệ cấp nước sạch trên địa bàn thành phố (theo Quyết định 2140/QĐ-TTg ngày 08/11/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định 192/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh Bạc Liêu);

- Áp dụng hệ thống thu hồi nước từ nguồn nước rửa lọc để tái sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí và nguồn tài nguyên nước;

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh như: quản lý tài sản, quản lý công tác ghi thu trên nền tảng ứng dụng GIS;

- Thực hiện xã hội hóa trong đầu tư cấp nước, thu hút nguồn vốn trong và ngoài nước để nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước nâng độ phủ cấp nước đô thị đạt 100%, hạn chế khai thác nước bừa bãi gây ô nhiễm nguồn tài nguyên nước; đồng thời phát triển doanh thu, tăng lợi nhuận cho Công ty;



- Nâng cao năng lực, công suất cấp nước, đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn theo quy chuẩn Bộ y tế.

- Bảo toàn, phát triển nguồn vốn của Công ty; thực hiện đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên; Sử dụng lao động hiệu quả tăng năng suất lao động nâng cao thu nhập cho người lao động.

**2.5. Giải trình của Ban Giám đốc theo ý kiến kiểm toán (nếu có):** không có.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2019 Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Bên cạnh đó, Công ty tập trung triển khai hiệu quả các giải pháp kinh doanh trên cơ sở nâng cao chất lượng công tác quản lý; thực hiện cấp nước an toàn; vận hành, khai thác tốt mạng lưới cấp nước; nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và đẩy mạnh công tác giảm tỷ lệ thất thoát nước. Hiệu quả kinh doanh tăng trưởng các chỉ tiêu cơ bản như: tổng doanh thu đạt 62.920,68 triệu đồng, vượt 11,53% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 10.982,62 triệu đồng, vượt 33,53% kế hoạch.

Để đảm bảo các hộ dân thành phố được cung cấp nước sạch, Công ty đã lắp đặt thêm ống cấp nước và cải tạo nâng cấp các mạng lưới cấp nước, đến nay tỷ lệ cấp nước sạch đạt hơn 95% cho người dân nội ô thành phố hướng đến mục tiêu đạt 100% vào năm 2022.

Công ty nỗ lực xây dựng hình ảnh, quảng bá thương hiệu tạo được sự tin tưởng của khách hàng.

Công ty điều hành hoạt động trên cơ sở quy định theo Điều lệ và quy chế của Công ty, Công ty đã xây dựng hoàn thiện các quy định, quy chế hoạt động áp dụng đối với công ty đại chúng.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

Ban Giám đốc Công ty thực hiện công tác điều hành đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, có sự phối hợp chặt chẽ trong sự phân công trách nhiệm quản lý, đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao, chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý điều hành đã đề ra những biện pháp, giải pháp tích cực thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Tại các cuộc họp của HĐQT Ban Tổng Giám đốc đều báo cáo minh bạch kết quả SXKD và đề xuất yêu cầu thuộc thẩm quyền của HĐQT để được thông qua.

Tình hình tài chính lành mạnh, Công ty không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến cổ đông và các đối tác của Công ty.

Tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường theo đúng quy định đối với Công ty đại chúng trên thị trường chứng khoán.

Các thành viên Ban Giám đốc thực hiện phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ



trách cho từng thành viên đảm bảo trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng; phối hợp chặt chẽ trong thực thi nhiệm vụ.

Ban Giám đốc cũng quan tâm, hỗ trợ thiết thực đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, duy trì môi trường làm việc ổn định, lành mạnh, thân thiện.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Theo đà phát triển hiện tại Công ty tiếp tục duy trì ổn định và phát triển hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông giao;

Tập trung nguồn vốn xây dựng thêm trạm cấp nước để bổ sung nguồn nước thiếu hụt, đồng thời cải thiện áp lực một số khu vực áp lực chưa đạt yêu cầu, song song thực hiện việc đảm bảo chất lượng nước theo quy định;

Tập trung phát triển ngành nghề kinh doanh chính, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, đầu tư tài chính vào lĩnh vực an toàn, ổn định;

Đầu tư mở rộng phát triển hệ thống cấp nước, cải tiến đầu tư các thiết bị theo hướng ứng dụng công nghệ hiện đại; Tập trung chỉ đạo thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ thất thoát nước theo kế hoạch dưới 9% năm 2020;

Đào tạo phát triển nguồn nhân lực, duy trì bộ máy quản lý đạt chất lượng hiệu quả, kiểm soát chặt chẽ các chi phí;

Phân công lao động hợp lý thúc đẩy tăng năng suất lao động, nâng cao đời sống người lao động, tạo môi trường làm việc thân thiện gắn bó giữa người lao động với Công ty.

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY** (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Ý kiến kiểm toán:**

*“...Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính....”*

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (File đính kèm)**

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Võ Minh Trang**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

92 Lê Duẩn, Khóm 07, Phường 01, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

92 Lê Duẩn, Khóm 07, Phường 01, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Văn Sỹ	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2019
Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2019
Ông Võ Minh Trang	Thành viên	
Ông Lê Văn Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2019

##### Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Minh Trang	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Bào	Phó Tổng Giám đốc

##### Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Minh Trang - Tổng Giám đốc.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

92 Lê Duẩn, Khóm 07, Phường 01, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**VŨ MINH TRANG**

**Tổng Giám đốc**

Bạc Liêu, ngày 17 tháng 01 năm 2020



Số: 002 /VACO/BCKT.HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 01 năm 2020, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Đức Tiến**  
Giám đốc Chi nhánh  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2020



**Nguyễn Ngọc Thạch**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1882-2018-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>31.063.917.978</b>	<b>31.210.232.235</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>19.116.844.160</b>	<b>21.935.901.381</b>
1. Tiền	111		4.118.691.984	4.105.778.062
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.998.152.176	17.830.123.319
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.681.757.201</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	3.681.757.201	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.458.011.057</b>	<b>4.988.447.970</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.269.574.770	1.381.390.581
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	750.640.000	1.135.539.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	872.451.329	2.906.173.431
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(434.655.042)	(434.655.042)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>5.566.564.895</b>	<b>4.275.039.089</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.379.845.565	5.088.319.759
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(813.280.670)	(813.280.670)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>240.740.665</b>	<b>10.843.795</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		121.448.984	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	119.291.681	10.843.795
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>99.669.420.344</b>	<b>97.667.003.927</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>79.771.458</b>	<b>702.848.458</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	361.490.656	511.490.656
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	549.348.458	549.348.458
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(831.067.656)	(357.990.656)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>89.969.226.208</b>	<b>88.473.649.038</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	89.735.379.272	88.446.149.042
- Nguyên giá	222		179.195.227.226	166.793.751.823
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.459.847.954)	(78.347.602.781)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	233.846.936	27.499.996
- Nguyên giá	228		383.038.000	125.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(149.191.064)	(97.500.004)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.104.189.805</b>	<b>3.406.969.916</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	3.104.189.805	3.406.969.916
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.516.232.873</b>	<b>5.083.536.515</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	6.516.232.873	5.083.536.515
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>130.733.338.322</b>	<b>128.877.236.162</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.409.968.693</b>	<b>16.469.659.008</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.793.950.671</b>	<b>15.852.340.211</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	476.148.086	138.577.918
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	1.032.745.804	852.376.512
3. Phải trả người lao động	314		4.238.156.854	3.121.633.773
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	2.441.855.805	8.773.117.291
5. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	1.370.000.000	1.973.219.908
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		235.044.122	993.414.809
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>616.018.022</b>	<b>617.318.797</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		50.000.000	50.000.000
2. Chi phí phải trả dài hạn	333		38.008.129	38.008.129
3. Phải trả dài hạn khác	337	17	528.009.893	529.310.668
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>120.323.369.629</b>	<b>112.407.577.154</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>120.323.369.629</b>	<b>112.407.577.154</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.688.000.000	111.688.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.688.000.000	111.688.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		719.577.154	719.577.154
3. LNST chưa phân phối	421		7.915.792.475	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		66.405.693	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.849.386.782	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>130.733.338.322</b>	<b>128.877.236.162</b>
<b>(440 = 300 + 400)</b>				



Võ Minh Trang  
Tổng Giám đốc  
Bạc Liêu, ngày 17 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Liên Ngọc Trân  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	57.848.507.286	53.614.349.235
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	49.049.158	30.386.581
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	57.799.458.128	53.583.962.654
4. Giá vốn hàng bán	11	22	32.763.439.359	30.645.766.634
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		25.036.018.769	22.938.196.020
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	850.439.750	638.932.113
7. Chi phí bán hàng	25	25	6.054.058.895	5.382.359.141
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	11.778.600.999	10.480.790.312
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (25 + 26)}	30		8.053.798.625	7.713.978.680
10. Thu nhập khác	31	26	4.270.788.767	131.540.300
11. Chi phí khác	32	27	1.341.962.773	250.325.743
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.928.825.994	(118.785.443)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.982.624.619	7.595.193.237
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	2.233.237.837	1.543.781.026
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		8.749.386.782	6.051.412.211
16. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	703	341



Võ Minh Trang  
Tổng Giám đốc  
Bạc Liêu, ngày 17 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Liên Ngọc Trân  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	66.215.426.759	61.158.368.136
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(29.538.359.645)	(22.237.312.546)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.113.054.432)	(12.539.644.961)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.996.151.246)	(1.391.577.471)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.830.017.559	3.423.822.170
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(15.875.656.301)	(14.754.896.644)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>9.522.222.694</b>	<b>13.658.758.684</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.651.397.754)	(5.540.934.913)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.681.757.201)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	850.439.750	638.932.113
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10.482.715.205)</b>	<b>(4.902.002.800)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.858.564.710)	(3.837.085.976)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.858.564.710)</b>	<b>(3.837.085.976)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(2.819.057.221)</b>	<b>4.919.669.908</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>21.935.901.381</b>	<b>17.016.231.473</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)</b>	<b>70</b>	<b>19.116.844.160</b>	<b>21.935.901.381</b>



Võ Minh Trang  
Tổng Giám đốc  
Bạc Liêu, ngày 17 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Liên Ngọc Trân  
Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1900605680 đăng ký lần đầu ngày 24/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 111.688.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2019 là 93 người (tại ngày 01/01/2019 là 90 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết:
  - Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch;
  - Đầu tư, thi công các công trình: Xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác. Chi tiết:
  - Đầu tư, thi công xây dựng các công trình dân dụng;
  - Thi công công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
- Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp – thoát nước.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư ngành nước và ngành xây dựng.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, nước đá tinh khiết.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và khi bãi.
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Cho thuê xe.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Các ngành nghề khác được pháp luật cho phép.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

*a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,*

*b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí lắp đặt: Chi phí lắp đặt phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-35
Máy móc, thiết bị	05-17
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08-27
Thiết bị, dụng cụ Quản lý	04-10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

##### Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

##### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### **Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

##### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

##### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

##### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	257.835.912	782.187.922
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.860.856.072	3.323.590.140
Các khoản tương đương tiền	14.998.152.176	17.830.123.319
<b>Cộng</b>	<b><u>19.116.844.160</u></b>	<b><u>21.935.901.381</u></b>

**5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại ngân hàng.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu tiền nước của khách hàng	1.206.184.100	1.261.088.081
Khách hàng khác	63.390.670	120.302.500
<b>Cộng</b>	<b><u>1.269.574.770</u></b>	<b><u>1.381.390.581</u></b>

**7. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b><u>750.640.000</u></b>	<b><u>1.135.539.000</u></b>
Công ty TNHH MTV Xây lắp 94	180.000.000	258.000.000
Công ty TNHH MTV Hưng Thịnh Bạc Liêu	-	575.400.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Huỳnh Gia	130.550.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Địa lý EK	273.090.000	-
Công ty TNHH Tài Lộc Bạc Liêu	111.000.000	206.700.000
Trả trước khác	56.000.000	95.439.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b><u>361.490.656</u></b>	<b><u>511.490.656</u></b>
Nguyễn Hữu Tuấn	135.169.858	135.169.858
Nguyễn Hữu Tiến	222.820.798	222.820.798
Viện Địa chất và Môi trường	-	150.000.000
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP.Hồ Chí Minh	3.500.000	3.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.112.130.656</u></b>	<b><u>1.647.029.656</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>872.451.329</b>	<b>-</b>	<b>2.906.173.431</b>	<b>-</b>
Phải thu tiền cổ phần hóa	205.351.000	-	173.400.000	-
Tạm ứng	132.200.000	-	267.856.999	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	520.551.715	-	527.560.668	-
Tạm ứng cổ tức cho cổ đông	-	-	1.876.358.400	-
Phải thu khác	14.348.614	-	60.997.364	-
<b>Dài hạn</b>	<b>549.348.458</b>	<b>473.077.000</b>	<b>549.348.458</b>	<b>-</b>
Chi phí đi đời HTCN đường	66.271.458	-	66.271.458	-
Cách Mạng	-	-	-	-
Công ty TNHH DV TM XD VT Vinh Phát	473.077.000	473.077.000	473.077.000	-
Ký quỹ, ký cược	10.000.000	-	10.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.421.799.787</b>	<b>-</b>	<b>3.455.521.889</b>	<b>-</b>

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán</b>	<b>434.655.042</b>	<b>-</b>	<b>434.655.042</b>	<b>-</b>
- Phải thu tiền nước quá hạn - quá hạn trên 3 năm	434.655.042	-	434.655.042	-
<b>Nợ phải thu dài hạn quá hạn thanh toán</b>	<b>831.067.656</b>	<b>-</b>	<b>357.990.656</b>	<b>-</b>
- Nguyễn Hữu Tuấn - quá hạn trên 3 năm	135.169.858	-	135.169.858	-
- Nguyễn Hữu Tiến - quá hạn trên 3 năm	222.820.798	-	222.820.798	-
- Công ty TNHH DV TM XD VT Vinh Phát - quá hạn trên 3 năm	473.077.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.265.722.698</b>	<b>-</b>	<b>657.475.840</b>	<b>-</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.286.742.736	(813.280.670)	4.887.076.017	(813.280.670)
Công cụ, dụng cụ	1.019.294.823	-	194.588.323	-
Thành phẩm	73.808.006	-	6.655.419	-
<b>Cộng</b>	<b>6.379.845.565</b>	<b>(813.280.670)</b>	<b>5.088.319.759</b>	<b>(813.280.670)</b>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập trong năm là 0 VND (năm trước là 813.280.679 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

a) Phải thu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	10.843.795	216.237.741	324.685.627	119.291.681
<b>Cộng</b>	<b>10.843.795</b>	<b>216.237.741</b>	<b>324.685.627</b>	<b>119.291.681</b>

b) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	82.818.676	220.440.492	303.259.168	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	252.319.559	2.233.237.837	1.996.151.246	489.406.150
Thuế tài nguyên	131.950.600	1.587.282.600	1.579.324.000	139.909.200
Tiền thuê đất	-	14.334.600	14.334.600	-
Các loại thuế khác	385.287.677	5.387.105.749	5.368.962.972	403.430.454
<b>Cộng</b>	<b>852.376.512</b>	<b>9.442.401.278</b>	<b>9.262.031.986</b>	<b>1.032.745.804</b>

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm	43.605.205.351	35.245.945.896	87.045.041.013	897.559.563	166.793.751.823
- Tăng do mua mới	-	-	-	214.800.000	214.800.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.070.436.291	2.251.630.852	7.631.133.359	-	11.953.200.502
- Tăng khác	-	678.859.090	-	-	678.859.090
- Thanh lý, nhượng bán	-	(419.073.710)	(26.310.479)	-	(445.384.189)
<b>Số cuối năm</b>	<b>45.675.641.642</b>	<b>37.757.362.128</b>	<b>94.649.863.893</b>	<b>1.112.359.563</b>	<b>179.195.227.226</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu năm	15.388.451.470	22.335.340.214	40.169.087.557	454.723.540	78.347.602.781
- Khấu hao trong năm	2.950.295.646	3.272.965.019	5.056.687.205	132.807.284	11.412.755.154
- Thanh lý, nhượng bán	-	(280.517.476)	(19.992.505)	-	(300.509.981)
- Phân loại lại	93.111.550	460.866.934	(553.978.484)	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>18.431.858.666</b>	<b>25.788.654.691</b>	<b>44.651.803.773</b>	<b>587.530.824</b>	<b>89.459.847.954</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu năm	28.216.753.881	12.910.605.682	46.875.953.456	442.836.023	88.446.149.042
<b>Số cuối năm</b>	<b>27.243.782.976</b>	<b>11.968.707.437</b>	<b>49.998.060.120</b>	<b>524.828.739</b>	<b>89.735.379.272</b>

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 11.813.865.949 VND (ngày 31/12/2018 là 8.829.385.200 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính</b>
	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số đầu năm	125.000.000
- Tăng do mua mới	258.038.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>383.038.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số đầu năm	97.500.004
- Khấu hao trong năm	51.691.060
<b>Số cuối năm</b>	<b>149.191.064</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Số đầu năm	27.499.996
<b>Số cuối năm</b>	<b>233.846.936</b>

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cải tạo Hệ thống cấp nước tại 02Đ, 9H, nội ô thành phố Bạc Liêu	-	618.913.359
Cải tạo và lắp đặt các tuyến ống cấp nước 6Đ, 10H nội ô thành phố Bạc Liêu	-	421.396.434
Lắp đặt tuyến ống truyền tải UPVC D315mm Đường Cao Văn Lầu (đoạn Nguyễn Tri Phương - Ninh Bình)	1.177.405.868	-
Di dời tuyến ống PVC168&HDPE63 đường Cao Văn Lầu (đoạn Ninh Bình - cầu Trường Sơn)	394.065.362	-
Di dời hệ thống cấp nước đường Cao Văn Lầu đoạn Ninh Bình đến cầu Trường Sơn (Giai đoạn 2)	839.932.796	-
Lắp đặt đường ống kỹ thuật giếng khoan khai thác CS 125m <sup>3</sup> /h trạm số 4, Lê Lợi, Phường 01, Tp. Bạc Liêu	362.809.915	-
Công trình khác	329.975.864	2.366.660.123
<b>Cộng</b>	<b>3.104.189.805</b>	<b>3.406.969.916</b>

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm:

<b>Số đầu năm</b>	<b>3.406.969.916</b>	<b>3.773.646.922</b>
Tăng trong năm	12.925.993.270	9.952.543.523
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(11.953.200.502)	(10.319.220.529)
Kết chuyển vào chi phí	(1.275.572.879)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.104.189.805</b>	<b>3.406.969.916</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí lắp đặt	2.261.582.723	2.053.019.236
Chi phí đi dời đồng hồ	2.856.828.066	2.320.732.351
Chi phí khác cần phân bổ	1.397.822.084	709.784.928
<b>Cộng</b>	<b>6.516.232.873</b>	<b>5.083.536.515</b>

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Hưng Thịnh Bạc Liêu	322.296.128	322.296.128	-	-
Công ty TNHH TMDV SX Phát triển Thuận Thảo	-	-	85.034.400	85.034.400
Phải trả người bán khác	153.851.958	153.851.958	53.543.518	53.543.518
<b>Cộng</b>	<b>476.148.086</b>	<b>476.148.086</b>	<b>138.577.918</b>	<b>138.577.918</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.441.855.805</b>	<b>8.773.117.291</b>
Bảo hiểm xã hội	3.408.321	3.408.321
Thuế thu nhập cá nhân	135.480.599	78.972.397
Bồi thường kinh phí đi dời	1.322.049.619	4.294.385.246
Phí bảo vệ môi trường	165.976.659	36.191.877
Cổ tức còn phải trả cổ đông	15.192.830	3.817.784.173
Các khoản phải trả, phải nộp khác	799.747.777	542.375.277
<b>b) Dài hạn</b>	<b>528.009.893</b>	<b>529.310.668</b>
Nhận thế chấp sử dụng nước	525.551.715	527.560.668
Nhận thế chấp vỏ bình	2.458.178	1.750.000
<b>Cộng</b>	<b>2.969.865.698</b>	<b>9.302.427.959</b>

**18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đây là khoản dự phòng quỹ tiền lương cho năm sau.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>111.688.000.000</b>	<b>719.577.154</b>	-	<b>112.407.577.154</b>
Lãi trong năm	-	-	6.051.412.211	6.051.412.211
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-	(2.117.994.274)	(2.117.994.274)
Trích cổ tức trong năm	-	-	(3.812.389.693)	(3.812.389.693)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành trong năm	-	-	(121.028.244)	(121.028.244)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>111.688.000.000</b>	<b>719.577.154</b>	-	<b>112.407.577.154</b>
Lãi trong năm	-	-	8.749.386.782	8.749.386.782
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-	(900.000.000)	(900.000.000)
Tăng khác trong năm	-	-	66.405.693	66.405.693
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>111.688.000.000</b>	<b>719.577.154</b>	<b>7.915.792.475</b>	<b>120.323.369.629</b>

Cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.168.800	11.168.800	11.168.800	11.168.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.168.800	11.168.800	11.168.800	11.168.800
- Cổ phiếu phổ thông	11.168.800	11.168.800	11.168.800	11.168.800
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.168.800	11.168.800	11.168.800	11.168.800
- Cổ phiếu phổ thông	11.168.800	11.168.800	11.168.800	11.168.800
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000	10.000	10.000

**Vốn điều lệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu	-	-	110.176.000.000	98,65%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH	110.176.000.000	98,65%	-	-
Cổ đông khác	1.512.000.000	1,35%	1.512.000.000	1,35%
<b>Cộng</b>	<b>111.688.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>111.688.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Kể từ ngày 18/7/2019 toàn bộ phần vốn nhà nước tại Công ty được Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH quản lý thay thế cho Ủy Ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cho việc cung cấp nước sạch chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cung cấp nước sạch trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

**21. DOANH THU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>57.848.507.286</b>	<b>53.614.349.235</b>
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp nước	54.806.225.251	51.333.360.349
- Doanh thu lắp đặt đường ống	1.767.964.481	1.411.925.177
- Doanh thu nước đóng chai	936.302.724	453.650.727
- Doanh thu khác	338.014.830	415.412.982
	<u><b>57.848.507.286</b></u>	<u><b>53.614.349.235</b></u>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Hàng bán bị trả lại	49.049.158	30.386.581
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u><b>57.799.458.128</b></u>	<u><b>53.583.962.654</b></u>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước	30.479.912.499	27.851.021.044
Giá vốn lắp đặt đường ống	1.337.501.737	1.149.286.913
Giá vốn nước đóng chai	741.101.494	550.458.785
Giá vốn khác	204.923.629	281.719.222
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	813.280.670
<b>Cộng</b>	<u><b>32.763.439.359</b></u>	<u><b>30.645.766.634</b></u>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.111.788.026	9.828.899.707
Chi phí nhân công	16.805.909.654	17.250.365.864
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.464.446.214	9.345.987.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.450.680.998	1.179.378.206
Chi phí khác bằng tiền	9.801.221.355	7.854.108.615
<b>Cộng</b>	<u><b>50.634.046.247</b></u>	<u><b>45.458.739.807</b></u>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Là lãi tiền gửi ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	5.092.212.336	5.065.741.221
Chi phí đồ dùng văn phòng	136.371.795	74.590.093
Chi phí khấu hao TSCĐ	194.303.684	140.130.564
Thuế, phí, lệ phí	2.064.732.200	1.576.414.150
Chi phí dự phòng	473.077.000	792.645.698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.639.524	144.272.268
Các khoản chi phí QLDN khác	3.639.264.460	2.686.996.318
<b>Cộng</b>	<b><u>11.778.600.999</u></b>	<b><u>10.480.790.312</u></b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	2.596.641.270	3.063.932.469
Chi phí vật liệu bao bì	6.379.163	36.187.504
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	123.922.416	89.787.882
Chi phí khấu hao TSCĐ	423.538.661	402.265.337
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.903.577.385	1.790.185.949
<b>Cộng</b>	<b><u>6.054.058.895</u></b>	<b><u>5.382.359.141</u></b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tiền hỗ trợ chi phí di dời hệ thống cấp nước	4.270.716.376	115.344.105
Các khoản khác.	72.391	16.196.195
<b>Cộng</b>	<b><u>4.270.788.767</u></b>	<b><u>131.540.300</u></b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí di dời hệ thống cấp nước	1.157.088.565	77.623.944
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	144.874.208	28.537.675
Các khoản khác.	40.000.000	144.164.124
<b>Cộng</b>	<b><u>1.341.962.773</u></b>	<b><u>250.325.743</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	2.233.237.837	1.543.781.026
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện</b>	<b>2.233.237.837</b>	<b>1.543.781.026</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>10.982.624.619</b>	<b>7.595.193.237</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Cộng: Các khoản chi không được trừ	183.564.564	123.711.891
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>11.166.189.183</b>	<b>7.718.905.128</b>
Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất 20%	11.166.189.183	7.718.905.128
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>2.233.237.837</b>	<b>1.543.781.026</b>

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	8.749.386.782	6.051.412.211
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành đã trích	900.000.000	2.239.022.518
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>7.849.386.782</b>	<b>3.812.389.693</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.168.800	11.168.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	703	341
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay được tính dựa trên cơ sở tạm trích do tỷ lệ phân phối các quỹ chưa được thông qua Đại hội đồng cổ đông.

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	19.116.844.160	21.935.901.381
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>120.323.369.629</u>	<u>112.407.577.154</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u>-</u>	<u>-</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.116.844.160	21.935.901.381	19.116.844.160	21.935.901.381
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.120.890.800	3.596.839.761	1.120.890.800	3.596.839.761
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.681.757.201	-	3.681.757.201	-
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>23.919.492.161</b></u>	<u><b>25.532.741.142</b></u>	<u><b>23.919.492.161</b></u>	<u><b>25.532.741.142</b></u>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	3.446.013.784	9.441.005.877	3.446.013.784	9.441.005.877
Chi phí phải trả	38.008.129	38.008.129	38.008.129	38.008.129
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>3.484.021.913</b></u>	<u><b>9.479.014.006</b></u>	<u><b>3.484.021.913</b></u>	<u><b>9.479.014.006</b></u>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.116.844.160	-	19.116.844.160
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.054.619.342	66.271.458	1.120.890.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.681.757.201	-	3.681.757.201
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.853.220.703</b>	<b>66.271.458</b>	<b>23.919.492.161</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.918.003.891	528.009.893	3.446.013.784
Chi phí phải trả	-	38.008.129	38.008.129
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.918.003.891</b>	<b>566.018.022</b>	<b>3.484.021.913</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>20.935.216.812</b>	<b>(499.746.564)</b>	<b>20.435.470.248</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.935.901.381	-	21.935.901.381
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.057.491.303	539.348.458	3.596.839.761
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.993.392.684</b>	<b>539.348.458</b>	<b>25.532.741.142</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.911.695.209	529.310.668	9.441.005.877
Chi phí phải trả	-	38.008.129	38.008.129
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.911.695.209</b>	<b>567.318.797</b>	<b>9.479.014.006</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>16.081.697.475</b>	<b>(27.970.339)</b>	<b>16.053.727.136</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

***Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong năm:***

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn	Cổ đông lớn
Nhà nước - Công ty TNHH	
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt	

Ngoài số dư với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 7 và 16, trong năm Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

- Chi cổ tức cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu với số tiền là 1.421.270.400 VND (năm trước là 1.850.956.800 VND).
- Chi cổ tức cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước với số tiền là 418.668.800 VND (năm trước là 0 VND).

***Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc***

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.058.973.254	1.022.110.163
Thù lao Hội đồng quản trị	242.069.237	432.230.878



**Võ Minh Trang**  
**Tổng Giám đốc**

Bạc Liêu, ngày 17 tháng 01 năm 2020

**Nguyễn Thị Lan Hương**  
**Kế toán trưởng**

**Liên Ngọc Trân**  
**Người lập biểu**